



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ACS VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam

Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 28



Công ty Cổ phần ACS Việt Nam

Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ACS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam tiền thân là Công ty Quảng cáo và Dịch vụ văn hóa được thành lập theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200124348 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 tháng 10 năm 2005 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 09) vào ngày 06 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Trần Bảo Nam	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Toàn	Thành viên
Bà Phạm Thanh Hoa	Thành viên
Bà Lê Thị Hoài Thu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Hoài Thu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Bà Lê Thị Hoài Thu - Tổng Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thu Minh	Thành viên
Ông Đỗ Đức Khiêm	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam

Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Thị Hoài Thu

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2026

037
CÔ
TIN
101
A
7 F



Số: 270326.033/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ACS Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam được lập ngày 27 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ACS Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Liên quan đến chi phí của Dự án trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng (thông tin chi tiết tại Thuyết minh 14) và nguồn ngân sách đã cấp cho dự án (thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh 18), Công ty Cổ phần ACS Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xác định giá trị được bồi thường của dự án cũng như phương án quyết toán nguồn vốn ngân sách đã được cấp cho dự án.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2023-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

HA C UHA TOA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.253.343.630	54.842.952.671
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	545.305.755	456.813.580
111	1. Tiền		545.305.755	456.813.580
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	55.791.000.000	52.589.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		55.791.000.000	52.589.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.877.050.728	1.677.392.098
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	871.638.007	1.139.898.591
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	415.640.441	395.840.441
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.772.236.886	7.324.117.672
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.028.694.325)	(8.028.694.325)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		846.229.719	846.229.719
140	IV. Hàng tồn kho	9	9.887.700	10.844.450
141	1. Hàng tồn kho		9.887.700	10.844.450
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		30.099.447	108.902.543
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	18.649.099	99.941.811
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.533.192	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	8.917.156	8.960.732
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		114.456.644.000	117.530.733.839
220	I. Tài sản cố định		46.085.893.216	49.353.168.660
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	46.085.893.216	49.353.168.660
222	- Nguyên giá		95.448.877.225	95.448.877.225
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(49.362.984.009)	(46.095.708.565)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		107.600.000	107.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.600.000)	(107.600.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	13	-	-
231	- Nguyên giá		242.911.019	242.911.019
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(242.911.019)	(242.911.019)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	14	57.048.705.736	57.048.705.736
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		57.048.705.736	57.048.705.736
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	10.681.878.102	10.681.878.102
251	1. Đầu tư vào công ty con		17.688.462.096	17.688.462.096
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(7.006.583.994)	(7.006.583.994)
260	V. Tài sản dài hạn khác		640.166.946	446.981.341
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	640.166.946	446.981.341
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		172.709.987.630	172.373.686.510

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		62.019.601.122	62.103.192.808
310	I. Nợ ngắn hạn		62.019.601.122	62.103.192.808
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	3.715.959.285	3.705.275.285
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.894.005	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	84.825.386	127.049.504
314	4. Phải trả người lao động		155.444.645	147.711.919
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		148.397.270	65.421.500
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	1.742.498.111	1.911.829.246
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	56.169.582.420	56.145.905.354
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		110.690.386.508	110.270.493.702
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	110.690.386.508	110.270.493.702
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		108.000.000.000	108.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		108.000.000.000	108.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.736.252.335	9.736.252.335
415	3. Cổ phiếu quỹ		(140.000.000)	(140.000.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.905.865.827)	(7.325.758.633)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(7.325.758.633)	(6.016.250.662)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		419.892.806	(1.309.507.971)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		172.709.987.630	172.373.686.510

Nguyễn Thanh Huyền
Phụ trách kế toán
kiêm người lập biểu



Lê Thị Hoài Thu
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	8.008.405.963	7.729.451.503
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.008.405.963	7.729.451.503
11	3. Giá vốn hàng bán	22	8.704.562.935	8.230.628.407
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(696.156.972)	(501.176.904)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.901.344.153	2.387.709.199
25	6. Chi phí bán hàng		-	20.650.000
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.724.183.994	3.375.394.253
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		481.003.187	(1.509.511.958)
31	9. Thu nhập khác	25	64.038.636	275.434.820
32	10. Chi phí khác	26	20.175.816	4.559.777
40	11. Lợi nhuận khác		43.862.820	270.875.043
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		524.866.007	(1.238.636.915)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	104.973.201	70.871.056
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>419.892.806</u>	<u>(1.309.507.971)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	39	(121)

Nguyễn Thanh Huyền
Phụ trách kế toán
kiểm người lập biểu



Lê Thị Hoài Thu
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		524.866.007	(1.238.636.915)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.267.275.444	3.293.843.376
03	- Các khoản dự phòng		-	1.590.552.424
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.901.344.153)	(2.491.666.723)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		890.797.298	1.154.092.162
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		127.422.380	369.905.354
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		956.750	61.581.119
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(112.043.830)	(816.771.897)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(111.892.893)	(132.211.212)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(76.521.057)	(417.640.068)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		718.718.648	218.955.458
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	103.957.524
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(99.493.000.000)	(99.420.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		96.291.000.000	95.586.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.571.773.527	2.463.710.660
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(630.226.473)	(1.266.331.816)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		88.492.175	(1.047.376.358)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		456.813.580	1.504.189.938
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	545.305.755	456.813.580



Nguyễn Thanh Huyền
Phụ trách kế toán
kiêm người lập biểu



Lê Thị Hoài Thu
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam tiền thân là Công ty Quảng cáo và Dịch vụ văn hóa được thành lập theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200124348 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 tháng 10 năm 2005 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 09) vào ngày 06 tháng 05 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty là: 108.000.000.000 VND, tương đương 10.800.000 cổ phần, mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 20 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 20 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp các dịch vụ quảng cáo, in ấn, tổ chức sự kiện, cho thuê mặt bằng.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của công ty là:

- Quảng cáo;
- In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên chủ đề;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Xí nghiệp In ACS Việt Nam	Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	In ấn và kinh doanh vật tư thiết bị ngành in
Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Trung tâm Quảng Cáo	Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ quảng cáo
Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng	Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi giải trí, kinh doanh địa ốc, cho thuê văn phòng, tổ chức hội chợ triển lãm; đấu giá; đại lý ô tô và xe động cơ khác; bán lẻ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các chi nhánh của Công ty đang dừng các hoạt động kinh doanh.

Khả năng so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin trên báo cáo tài chính riêng đã được Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm 2025, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC sẽ được Công ty áp dụng kể từ thời điểm văn bản có hiệu lực thi hành, tức là ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập khi có dấu hiệu tổn thất dựa trên đánh giá khả năng có thể thu hồi giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty con.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến khả năng có thể thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
--------------------------	-------------

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí sửa chữa biển quảng cáo, pano, ... được ghi nhận theo giá trị thực tế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 36 tháng.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí sửa chữa,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công

đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 Lãi trên cổ phiếu

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các công ty con của Công ty vẫn đang dừng hoạt động và đang thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động. Công ty chưa thu thập được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con này để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được Công ty trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng nhằm cung cấp thông tin cho người đọc báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	26.539.765	73.550.606
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	518.765.990	383.262.974
	545.305.755	456.813.580

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	55.791.000.000	-	52.589.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	55.791.000.000	-	52.589.000.000	-
	55.791.000.000	-	52.589.000.000	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 55.791.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất từ 4,7%/năm đến 7,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Kinh doanh Vận chuyển hành khách Hải Phòng (i)	17.688.462.096	(7.006.583.994)	17.688.462.096	(7.006.583.994)
	17.688.462.096	(7.006.583.994)	17.688.462.096	(7.006.583.994)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Công ty Kinh doanh Vận chuyển hành khách Hải Phòng ("Hai Phong Transport") là công ty liên doanh giữa Công ty Newealth International Ltd (Hong Kong) và Công ty Quảng cáo và Dịch vụ Văn hóa Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần ACS Việt Nam), hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 777/GP ngày 28 tháng 02 năm 1994 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư. Hoạt động kinh doanh chính của Hai Phong Transport là vận tải. Hiện nay, Hai Phong Transport đã ngừng hoạt động kinh doanh do hết thời gian hoạt động của Giấy phép đầu tư và đang thực hiện các thủ tục để đóng mã số thuế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại Hai Phong Transport là 95%. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tổn thất đối với khoản đầu tư này để trích lập dự phòng dựa trên giá trị có thể thu hồi từ việc Công ty đang nắm giữ số tiền thu được từ thanh lý tài sản của Hai Phong Transport từ trước năm 2012 (Thuyết minh 18).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Bắc Việt	121.347.548	(121.347.548)	121.347.548	(121.347.548)
Công ty TNHH Mỹ thuật Quảng cáo Vân	111.298.000	(111.298.000)	111.298.000	(111.298.000)
Các khách hàng khác	638.992.459	(398.755.797)	907.253.043	(398.755.797)
	871.638.007	(631.401.345)	1.139.898.591	(631.401.345)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền	241.331.000	(241.331.000)	241.331.000	(241.331.000)
Công ty CP Tư vấn Dự án và Môi trường bền vững	55.000.000	-	55.000.000	-
Các người bán khác	119.309.441	(54.309.441)	99.509.441	(54.309.441)
	415.640.441	(295.640.441)	395.840.441	(295.640.441)

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	933.715.748	-	604.145.122	-
Phải thu về tạm ứng	6.268.409.217	(5.809.797.866)	6.153.895.217	(5.809.797.866)
- Bà Lê Thị Hoài Thu (i)	1.774.636.700	(1.774.636.700)	1.774.636.700	(1.774.636.700)
- Bà Vũ Thị Thu Hồng (i)	3.333.602.483	(3.333.602.483)	3.333.602.483	(3.333.602.483)
- Cá nhân khác	1.160.170.034	(701.558.683)	1.045.656.034	(701.558.683)
Phải thu khác	570.111.921	(445.624.954)	566.077.333	(445.624.954)
	7.772.236.886	(6.255.422.820)	7.324.117.672	(6.255.422.820)
b) Trong đó: Bên liên quan				
Bà Lê Thị Hoài Thu	1.774.636.700	(1.774.636.700)	1.774.636.700	(1.774.636.700)
	1.774.636.700	(1.774.636.700)	1.774.636.700	(1.774.636.700)

(i) Các khoản tạm ứng để thực hiện các dự án đầu tư.

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Bà Vũ Thị Thu Hồng	3.333.602.483	-	3.333.602.483	-
Bà Lê Thị Hoài Thu	1.774.636.700	-	1.774.636.700	-
Công ty Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền	241.331.000	-	241.331.000	-
Các đối tượng khác	2.679.124.142	-	2.679.124.142	-
	8.028.694.325	-	8.028.694.325	-

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.887.700	-	10.844.450	-
	9.887.700	-	10.844.450	-

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	2.541.663	50.315.139
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	49.626.672
Chi phí bảo hiểm	16.107.436	-
	18.649.099	99.941.811
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	435.612	446.981.341
Chi phí sửa chữa	557.458.625	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	82.272.709	-
	640.166.946	446.981.341

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam

Km 10 Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	63.318.547.363	122.734.594	744.747.636	67.651.542	31.195.196.090	95.448.877.225
Số dư cuối năm	63.318.547.363	122.734.594	744.747.636	67.651.542	31.195.196.090	95.448.877.225

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	30.754.366.096	122.734.594	744.747.636	67.651.542	14.406.208.697	46.095.708.565
Khấu hao trong năm	1.915.540.080	-	-	-	1.351.735.364	3.267.275.444
Số dư cuối năm	32.669.906.176	122.734.594	744.747.636	67.651.542	15.757.944.061	49.362.984.009

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	32.564.181.267	-	-	-	16.788.987.393	49.353.168.660
Tại ngày cuối năm	30.648.641.187	-	-	-	15.437.252.029	46.085.893.216

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 6.946.147.980 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 9.823.761.622 VND).

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và trang thông tin điện tử của Công ty (website: Acs.com.vn) có tổng nguyên giá là 107.600.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, toàn bộ tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty tại số 77 Đình Tiên Hoàng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và nhà số 36 Hoàng Văn Thụ, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, bất động sản đầu tư đã khấu hao hết có cùng nguyên giá và hao mòn lũy kế là 242.911.019 VND.

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tòa nhà đa năng ACS (i)	14.252.215.487	14.252.215.487
Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng (ii)	42.796.490.249	42.796.490.249
	57.048.705.736	57.048.705.736

(i) Dự án Tòa nhà đa năng ACS được UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000159 cho Công ty vào ngày 10 tháng 01 năm 2008. Theo đó, chủ đầu tư của dự án là Công ty Cổ phần ACS Việt Nam; mục tiêu quy mô dự án là đầu tư xây dựng toà nhà cao 25 tầng với các chức năng kinh doanh trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, vui chơi giải trí; dự án được thực hiện tại số 50 Đinh Tiên Hoàng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (trước đây là số 50 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng); với tổng vốn đầu tư là 269 tỷ VND, trong đó vốn góp của nhà đầu tư là 80,7 tỷ VND, vốn vay thương mại là 188,3 tỷ VND; thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư; kế hoạch đưa vào khai thác, sử dụng ban đầu là vào tháng 02 năm 2010. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã triển khai, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng của 03 hộ dân tầng 1, 10 hộ dân ở tầng 2 và 01 tổ chức phim và chiếu bóng Hải Phòng với tổng số tiền 14,25 tỷ VND, Công ty đang tiếp tục thực hiện công tác thương lượng, đền bù với các hộ dân, tổ chức còn lại trong diện tích đất thu hồi cho dự án cũng như hoàn thiện các thủ tục đầu tư có liên quan.

(ii) Dự án trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng của Công ty được phê duyệt đầu tư theo quyết định số 2800/QĐ-UB ngày 14 tháng 11 năm 2002 của UBND thành phố Hải Phòng. Theo đó, địa điểm xây dựng tại đường 353, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng (trước đây là đường 353, xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng); diện tích đất sử dụng là 546.647 m², tuy nhiên theo quyết định bàn giao đất số 3415/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2002 của UBND thành phố diện tích đất được thực tế bàn giao là 531.922,2 m²; mục tiêu đầu tư: xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Hội chợ triển lãm Thương mại - Văn hóa thành phố nhằm thu hút mọi nguồn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, đầu tư xây dựng các phần khu chức năng, đóng góp đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế của Hải Phòng và khu vực Duyên hải Bắc Bộ, vốn đầu tư là 167.833 triệu VND, bao gồm: nguồn vốn ngoài ngân sách gồm vốn tự có, vốn huy động, vốn vay, vốn liên doanh liên kết; và thành phố sẽ hỗ trợ một phần trên cơ sở kế hoạch ngân sách hàng năm được duyệt, được áp dụng cơ chế chính sách đối với các dự án công trình trọng điểm và khuyến khích ưu đãi đầu tư của thành phố. Theo các thông báo hạn mức kinh phí được duyệt số 920/35/NSNN ngày 28 tháng 05 năm 2003, thông báo số 0000872021/88/NSNN ngày 25 tháng 09 năm 2003, số 0000432006/TC-VG/44/NSNN ngày 01 tháng 07 năm 2004, số 0001112009/112/NSNN ngày 03 tháng 12 năm 2003, số 993/42/NSNN ngày 13 tháng 06 năm 2003 và thông báo 0000792028/83/NSNN ngày 08 tháng 09 năm 2003, số tiền ngân sách đã cấp cho công ty để thực hiện dự án là 40.023.429.000 VND (Thuyết minh 18).

Công ty đã thực hiện đầu tư dự án từ năm 2003 đến năm 2016 để hoàn thành giai đoạn 1,2 và 3 của dự án (đền bù giải phóng mặt bằng, san nền, đường giao thông, đường vỉa hè, thoát nước, tường bao quanh...) và chưa hoàn thành toàn bộ dự án. Tuy nhiên đến năm 2017, UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành các quyết định về việc thu hồi đất của dự án bao gồm: Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2017, Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2017, Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 27 tháng 06 năm 2017 về việc sửa đổi bổ sung các Quyết định số 727/QĐ-UBND và 730/QĐ-UBND; ban hành thêm Quyết định thu hồi đất số 577/QĐ-UBND ngày 20 tháng 03 năm 2018 và số 1400/QĐ-UBND ngày 21 tháng 06 năm 2018 về việc điều chỉnh Quyết định số 577/QĐ-UBND.

Tổng diện tích đất bị thu hồi theo các quyết định trên là 379.725,2 m² (bao gồm toàn bộ khu hạ tầng kỹ thuật bên ngoài Tòa nhà Trung tâm Hội chợ triển lãm thương mại - văn hóa Hải Phòng). Diện tích còn lại 152.267 m² không bị thu hồi là khu Tòa nhà Trung tâm Hội chợ triển lãm thương mại - văn hóa Hải Phòng (khu nhà cánh diều) mà Công ty đã đầu tư hoàn thành, và ghi tăng tài sản cố định hữu hình từ năm 2005.

Đồng thời trong các quyết định thu hồi đất, UBND thành phố Hải Phòng giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở tài nguyên và Môi trường lập phương án bồi hoàn giá trị đầu tư hợp pháp (nếu có) của Công ty. Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố tại văn bản số 7087/UBND-ĐC2 ngày 17 tháng 10 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã ký hợp đồng với Công ty CP Thiết kế và Xây dựng phát triển đô thị Hải Phòng lập dự toán khối lượng san lấp mặt bằng và Công ty CP Xây dựng Đại Phú thẩm tra xác định khối lượng san lấp.

Ngày 15 tháng 03 năm 2019, Sở xây dựng có văn bản số 882/SXD-KTVL về việc tham gia ý kiến thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của Công ty. Ngày 10 tháng 04 năm 2019, Sở Xây dựng đã ban hành văn bản số 1257/SXD-KTVL về giá trị đền bù san lấp mặt bằng là 74.383.588.000 VND. Ngày 22 tháng 10 năm 2019, Công ty đã có văn bản phản hồi trong đó đồng ý việc đền bù san lấp mặt bằng là 74.383.588.000 VND; yêu cầu phần giá trị bồi thường về cây cối là 15.668.000 VND và các chi phí khác đã chi cho việc chuẩn bị đầu tư dự án là 16.699.517.000 VND.

Đến nay, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố và các cơ quan có liên quan để cung cấp hồ sơ, thống nhất khối lượng, giá trị đền bù.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền (i)	3.643.025.335	3.643.025.335	3.643.025.335	3.643.025.335
Các người bán khác	72.933.950	72.933.950	62.249.950	62.249.950
	3.715.959.285	3.715.959.285	3.705.275.285	3.705.275.285

- (i) Công nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng thi công cho Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cho Dự án trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng (Thuyết minh 14). Công ty đang trong quá trình làm việc với Công ty TNHH MTV Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền để thanh quyết toán các hợp đồng thi công cho dự án.

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	70.218.650	447.355.611	517.574.261	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	21.570.168	104.973.201	76.521.057	-	50.022.312
Thuế thu nhập cá nhân	8.960.732	2.264.624	29.808.623	30.222.659	8.917.156	1.807.012
Các loại thuế khác	-	32.996.062	6.000.000	6.000.000	-	32.996.062
	8.960.732	127.049.504	588.137.435	630.317.977	8.917.156	84.825.386

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.742.498.111	1.911.829.246
	<u>1.742.498.111</u>	<u>1.911.829.246</u>

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	37.919.466	47.267.990
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	475.000.000	442.000.000
Nguồn vốn xây dựng cơ bản (i)	40.023.429.000	40.023.429.000
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng (ii)	1.692.033.055	1.692.033.055
Công ty Kinh doanh Vận chuyển hành khách Hải Phòng (iii)	11.218.972.037	11.218.972.037
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền (iv)	2.333.000.000	2.333.000.000
Phải trả khác	389.228.862	389.203.272
	<u>56.169.582.420</u>	<u>56.145.905.354</u>
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng (ii)	1.692.033.055	1.692.033.055
	<u>1.692.033.055</u>	<u>1.692.033.055</u>
c) Trong đó: Bên liên quan		
Công ty Kinh doanh Vận chuyển hành khách Hải Phòng (iii)	11.218.972.037	11.218.972.037
	<u>11.218.972.037</u>	<u>11.218.972.037</u>

(i) Nguồn vốn ngân sách thành phố Hải Phòng đã cấp cho Công ty trong giai đoạn trước cổ phần hóa để thực hiện dự án xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cho dự án trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng là 40.023.429.000 VND (thông tin về dự án tại Thuyết minh 14). Hiện nay, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền và chưa có văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền về việc quyết toán các khoản kinh phí này.

(ii) Đây là khoản lãi vay phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 04110302 ngày 24 tháng 03 năm 2004 cùng các phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo đã ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.

(iii) Đây là khoản tiền thu được từ việc thanh lý toàn bộ tài sản của Công ty Kinh doanh Vận chuyển hành khách Hải Phòng ("Hai Phong Transport") từ năm 2012 trở về trước. Số tiền này sẽ được xử lý như một khoản thu hồi một phần vốn đầu tư vào Hai Phong Transport khi công ty con hoàn thành giải thể (xem Thuyết minh 4b).

(iv) Công nợ phải trả liên quan đến Hợp đồng thi công Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật cho dự án trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng (Thuyết minh 14). Công ty đang trong quá trình làm việc với Công ty TNHH MTV Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền để thanh quyết toán các hợp đồng thi công cho dự án.

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Đầu năm trước	108.000.000.000	9.736.252.335	(140.000.000)	(6.016.250.662)	111.580.001.673
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(1.309.507.971)	(1.309.507.971)
Cuối năm trước	<u>108.000.000.000</u>	<u>9.736.252.335</u>	<u>(140.000.000)</u>	<u>(7.325.758.633)</u>	<u>110.270.493.702</u>
Lãi trong năm nay	-	-	-	419.892.806	419.892.806
Cuối năm nay	<u>108.000.000.000</u>	<u>9.736.252.335</u>	<u>(140.000.000)</u>	<u>(6.905.865.827)</u>	<u>110.690.386.508</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Petro Sao Đỏ	55.350.320.000	51,25%	55.350.320.000	51,25%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	32.633.110.000	30,22%	32.633.110.000	30,22%
Bà Đặng Thị Bích Liên	14.668.690.000	13,58%	14.668.690.000	13,58%
Các cổ đông khác	5.347.880.000	4,95%	5.347.880.000	4,95%
	<u>108.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>108.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	108.000.000.000	108.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	108.000.000.000	108.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.800.000	10.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	12.000	12.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000	12.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.788.000	10.788.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.788.000	10.788.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	700.000.000	510.000.000

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	2.001.626.535	2.001.626.535

21 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng, trung tâm hội chợ	4.758.215.445	4.349.350.619
Doanh thu dịch vụ quảng cáo	3.250.190.518	3.380.100.884
	<u>8.008.405.963</u>	<u>7.729.451.503</u>

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm hội chợ	6.285.133.392	6.430.910.598
Giá vốn dịch vụ quảng cáo	2.419.429.543	1.799.717.809
	<u>8.704.562.935</u>	<u>8.230.628.407</u>

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.901.344.153	2.387.709.199
	<u>2.901.344.153</u>	<u>2.387.709.199</u>

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.051.346.082	1.239.995.357
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	-	1.590.552.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.545.948	359.580.453
Chi phí khác bằng tiền	220.291.964	180.266.019
	1.724.183.994	3.375.394.253

25 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	103.957.524
Thu từ thanh lý vật tư	31.433.636	-
Thu nhập từ xử lý nợ không phải trả	32.605.000	161.477.296
Thu nhập khác	-	10.000.000
	64.038.636	275.434.820

26 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản khác	20.175.816	4.559.777
	20.175.816	4.559.777

27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	524.866.007	(1.238.636.915)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.592.992.198
- Chi phí không được trừ	-	1.592.992.198
Thu nhập chịu thuế TNDN	524.866.007	354.355.283
Thuế TNDN được miễn giảm trong năm		
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	104.973.201	70.871.056
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	21.570.168	368.339.180
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(76.521.057)	(417.640.068)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	50.022.312	21.570.168

28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	419.892.806	(1.309.507.971)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	419.892.806	(1.309.507.971)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.788.000	10.788.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	(121)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.307.779	141.675.087
Chi phí nhân công	2.707.892.495	3.128.867.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.267.275.444	3.293.843.376
Thuế, phí và lệ phí	942.946.162	972.644.762
Chi phí dự phòng	-	1.590.552.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.150.736.438	2.090.815.544
Chi phí khác bằng tiền	267.631.861	352.501.137
	10.427.790.179	11.570.899.471

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng	Công ty con
Bà Lê Thị Hoài Thu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	205.300.000	299.400.000
Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc khác	465.175.000	501.850.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thanh Huyền
Phụ trách kế toán
kiểm người lập biểu



Lê Thị Hoài Thu
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2026

